TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2022/KDTM-ST
Ngày 06 tháng 01 năm 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Anh Vũ

2/ Ông Nguyễn Hữu Tính

***Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Như** Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2021 và ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2019/TLST-KDTM ngày 24/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4436/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H

Địa chỉ: 156 đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1955

Địa chỉ: 109 đường B, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số 1421 ngày 06/5/2021, (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TP P

Địa chỉ:

1. Số 25 M Avenue, Liverpool NSW 2170, Australia.
2. Số 12 W Street Bossley Park NSW 2176, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn công ty TNHH H có đại diện ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH H và công ty TP P đã ký Hợp đồng TPPAC – EFFEC110719 mua bán pin năng lượng mặt trời vào ngày 30/7/2019, thỏa thuận mua bán 1.368 tấm pin với giá 239.659,92 đô la Úc, thanh toán 4 đợt như sau:

- Đợt 1 đặt cọc 30% tương đương 71.897,97 (bảy mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi bảy phẩy chín mươi bảy) đô la Úc.

- Đợt 2 sau 4 tuần kể từ ngày đặt cọc, trước khi hàng rời cảng S, thanh toán 20% tương đương 47.931,98 (bốn mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt phẩy chín mươi tám) đô la Úc.

- Đợt 3 khi hàng đến cảng C thanh toán 20% tương đương 47.931,98 (bốn mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt phẩy chín mươi tám) đô la Úc.

- Đợt 4 thanh toán số tiền còn lại sau khi nhận hàng tại cảng C.

Ngày 5/8/2019, công ty TNHH H đã thanh toán tiền đặt cọc cho đơn hàng đầu tiên là 71.897,97 (bảy mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi bảy phẩy chín mươi bảy) đô la Úc. Hình thức thanh toán chuyển khoản vào tài khoản của công ty TP P số tài khoản 556727870, mã chuyển NATAU3302S theo chứng từ thanh toán qua ngân hàng TMCP P.

Ngày 04/10/2019, phía nguyên đơn tiếp tục thanh toán số tiền 47.931,98 (bốn mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt phảy chín mươi tám) đô la Úc sau khi phía bị đơn cho biết đã hợp đồng vận chuyển hàng với đơn vị vận chuyển. Bản hợp đồng này sau đó nguyên đơn phát hiện ra là hợp đồng không có thật, không có sự vận chuyển hàng. Nguyên đơn cũng chuyển tiền với hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của công ty TP P như trên.

Tổng cộng số tiền đã thanh toán là 119.829,95 (một trăm mười chín nghìn tám trăm hai mươi chín phẩy chín mươi lăm) đô la Úc.

Ngày 25/11/2019, ông Pham Tien D là đại diện pháp luật của công ty TP P đã gửi email đề nghị thay đổi các điều khoản liên quan tới hợp đồng đã ký kết nhưng không phù hợp với quy định pháp luật và không đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn không đồng ý với đề nghị thay đổi này. Nguyên đơn cho rằng việc đề nghị chỉ nhằm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng. Sau nhiều lần liên lạc yêu cầu phía bị đơn thực hiện hợp đồng đã ký nhưng không thành, nhận thấy công ty TP P không có khả năng thực hiện hợp đồng đã giao kết nên công ty TNHH H yêu cầu tuyên bố hủy bỏ hợp đồng mua bán tấm pin năng lượng mặt trời đã ký ngày 30/7/2019, buộc công ty TP P hoàn trả số tiền đã nhận là 119.829,95 (một trăm mười chín nghìn tám trăm hai mươi chín phẩy chín mươi lăm) đô la Úc.

* Công ty TNHH H rút lại yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

* Công ty TP P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu của công ty TNHH H buộc công ty TP P bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền:

Công ty TNHH H tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là công ty TP P trụ sở tại Úc. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TP P tuy nhiên các đương sự không đến Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Hợp đồng mua bán tấm pin năng lượng mặt trời ký ngày 30/7/2019 giữa công ty TNHH H mã số doanh nghiệp 0312174636 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và công ty TP P mã số doanh nghiệp ACN 167117124 đăng ký tại Ủy ban bảo an và đầu tư Úc. Do đó, hợp đồng hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn 2 lần số tiền cụ thể như sau:

- Lần 1 ngày 05/8/2019, chuyển khoản số tiền 71.897,97 (bảy mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi bảy phẩy chín mươi bảy) đô la Úc theo chứng từ chuyển khoản số MT103 – C20 của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

- Lần 2 ngày 14/10/2019, chuyển khoản số tiền 47.931,98 (bốn mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi mốt phẩy chín mươi tám) đô la Úc theo chứng từ chuyển khoản số MT103 – A20 của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Người thụ hưởng theo chứng từ chuyển khoản là Công ty TP P, số tài khoản 556727870, mã chuyển NATAU3302S theo đúng thỏa thuận tại mục 4 của hợp đồng số TPPAC-EFFEC110719 ngày 30/7/2019.

Tòa án đã triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa và không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào phản đối lập luận của nguyên đơn. Do đó, hồ sơ vụ án chỉ thể hiện các bên có thỏa thuận hợp đồng và phía nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn không giao hàng. Bị đơn đã vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy bỏ hợp đồng số TPPAC-EFFEC110719 ngày 30/7/2019 và buộc bị đơn hoàn trả số tiền đã nhận 119.829,95 (một trăm mười chín nghìn tám trăm hai mươi chín phẩy chín mươi lăm) đô la Úc là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 312 và Điều 314 Luật Thương mại.

[8] Nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường thiệt hại là không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Đối với Công ty TP P không đến Tòa và không cung cấp chứng cứ nên phải chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt, không cung cấp chứng cứ theo quy định khoản 5 và Khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do Công ty TP P có nghĩa vụ trả tiền nên Công ty TP P có nghĩa vụ nộp án phí kinh doanh thương mại là 70.120.629 (bảy mươi triệu một trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín) đồng.

Chi phí ủy thác tư pháp Công ty TNHH H tự nguyên chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244 Khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng Dân sự ;

- Căn cứ Điều 312, Điều 314 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

Xử:

1/ Hủy bỏ hợp đồng số TPPAC-EFFEC110719 ngày 30/7/2019 ký giữa Công ty TNHH H và Công ty TP P.

2/ Buộc Công ty TP P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H số tiền đã nhận là 119.829,95 (một trăm mười chín nghìn tám trăm hai mươi chín phẩy chín mươi lăm) đô la Úc tương đương 1.937.354.311 (một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm mười một) đồng theo tỉ giá của Ngân hàng TMCP N ngày 06/01/2022 là 16.167,53 đồng/ 1 đô la Úc (tỉ giá chuyển khoản). Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày Công ty TNHH H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TP P không thanh toán đầy đủ số tiền nói trên thì Công ty TP P phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với

số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành, với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

3/ Đình chỉ yêu cầu của công ty TNHH H buộc công ty TP P bồi thường thiệt hại.

4/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TP P phải chịu 70.120.629 (bảy mươi triệu một trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi chín) đồng.

Công ty TNHH H không phải chịu án phí.

Hoàn lại Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.514.763 (ba mươi bốn triệu năm trăm mười bốn nghìn bảy trăm sáu mươi ba) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0045240 ngày 18/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Về chi phí tố tụng: Ghi nhận Công ty TNHH H tự nguyên chịu chi phí ủy thác tư pháp.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TP P có địa chỉ ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Như Mai